TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 83../CV-DNM *"V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2020 trước và sau kiểm toán"*	*Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2021*

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
Digitally signed by TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
Date: 2021.04.06 22:18:46 +07'00'

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;**

- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

- *Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 06/10/2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng Công Ty Cổ phần Y Tế DANAMECO.*

Tổng Công Ty Cổ Phần Y Tế DANAMECO **(Mã chứng khoán: DNM)** giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế Năm 2020 trước và sau kiểm toán trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2020 Số liệu trước kiểm toán *(đồng)*	Năm 2020 Số liệu sau kiểm toán *(đồng)*	Tỷ lệ chênh lệch tăng (%)
1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.757.769.750	37.164.350.432	17,02%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trước và sau kiểm toán chênh lệch tăng : **5.406.580.682 đồng**, tương ứng **17,02%.**

- ***Nguyên nhân:***
  - Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tăng lợi nhuận sau thuế là do doanh nghiệp điều chỉnh lại các bút toán ghi nhận giá vốn hàng bán, dẫn đến giảm Giá vốn hàng bán, với tổng giá trị 15.753.029.265 đồng.
  - Bên cạnh đó sau khi rà soát đầy đủ hồ sơ chứng từ hóa đơn, doanh nghiệp có hạch toán bổ sung các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp chưa hạch toán trong năm 2020. Cụ thể: Chi phí bán hàng tăng: 2.497.668.687 đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng: 6.817.116.474 đồng.
  - *Nguyên nhân cụ thể chi tiết vui lòng xem trong: Phụ lục 01 kèm theo*

Vậy Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO xin giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các nhà đầu tư được biết.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, TK. HĐQT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0400102101 C.T.C.P TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
HUỲNH THỊ LI LI

Phụ lục 01: CHÊNH LỆCH SỐ LIỆU BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - NĂM 2020

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu sau kiểm toán	Số liệu công bố trước kiểm toán	Chênh lệch	% Chênh lệch	Nguyên nhân
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	704.066.913.278	704.223.167.442	(156.254.164)	-0,02%	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	3.332.628.120	2.858.738.119	473.890.001	16,58%	Điều chỉnh tăng do hạch toán bổ sung các khoản trả hàng bị thiếu sót
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	**700.734.285.158**	**701.364.429.323**	(630.144.165)	-0,09%	
4. Giá vốn hàng bán	11	548.516.841.128	564.269.870.393	(15.753.029.265)	-2,79%	Điều chỉnh lại các bút toán ghi nhận giá vốn hàng bán, dẫn đến giảm Giá vốn hàng bán
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20	**152.217.444.030**	**137.094.558.930**	15.122.885.100	11,03%	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	525.993.979	615.620.366	(89.626.387)	-14,56%	
7. Chi phí tài chính	22	14.252.956.360	15.245.122.630	(992.166.270)	-6,51%	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	14.195.635.180	15.245.122.630	(1.049.487.450)	-6,88%	Điều chỉnh giảm chi phí lãi vay do hạch toán sai lãi và gốc
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24	-		-		
9. Chi phí bán hàng	25	50.791.672.321	48.294.003.634	2.497.668.687	5,17%	Điều chỉnh tăng do hạch toán bổ sung chi phí hợp lệ đầy đủ hồ sơ chứng từ hạch toán thiếu sót
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	41.372.698.028	34.555.581.554	6.817.116.474	19,73%	Điều chỉnh tăng do hạch toán bổ sung chi phí hợp lệ đầy đủ hồ sơ chứng từ hạch toán thiếu sót
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30	**46.326.111.300**	**39.615.471.478**	6.710.639.822	16,94%	
12. Thu nhập khác	31	1.555.173.754	1.439.531.353	115.642.401	8,03%	
13. Chi phí khác	32	1.392.946.678	1.357.790.644	35.156.034	2,59%	
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40	**162.227.076**	**81.740.709**	80.486.367	98,47%	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50	**46.488.338.376**	**39.697.212.187**	6.791.126.189	17,11%	Tăng chủ yếu do giảm giá vốn hàng bán vì điều chỉnh lại các bút toán ghi nhận giá vốn
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	9.323.987.944	7.939.442.437	1.384.545.507	17,44%	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	**37.164.350.432**	**31.757.769.750**	5.406.580.682	17,02%	Tăng chủ yếu do giảm giá vốn hàng bán vì điều chỉnh lại các bút toán ghi nhận giá vốn